

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

=====

LÊ THỊ THU GIANG

QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG
QUAN HỆ ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN ASEAN – HÀN QUỐC (1989 - 2009)

Chuyên ngành: Đông Nam Á học

Mã số: 62.31.50.10

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ ĐÔNG NAM Á HỌC

Hà Nội - 2016

Công trình được hoàn thành tại: Khoa Đông phương học, Trường Đại học
Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Phạm Quang Minh**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp nhà nước chấm luận án
tiến sĩ họp tại

vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Sau khi chiến tranh Lạnh kết thúc năm 1991 với sự giải thể của nhà nước Liên Xô và một loạt các nước Đông Âu, trật tự hai cực sụp đổ. Thế giới chuyển sang trật tự quan hệ quốc tế đương đại được hình thành với những đặc điểm mới trên nhiều phương diện từ chủ thể đến tương quan lực lượng, nguyên tắc hoạt động và cấu trúc quyền lực. Ở phạm vi khu vực, bên cạnh những thành quả ấn tượng với sự trỗi dậy của nhiều nền kinh tế, khu vực này cũng được nhắc đến như một nơi tiềm ẩn nhiều nguy cơ về chính trị, quân sự có sức tác động không chỉ đến trật tự khu vực mà cả phạm vi toàn thế giới. Quan hệ ASEAN – Hàn Quốc là một trong những mối quan hệ phản ánh đầy đủ những biến động chung của thế giới và khu vực. Ảnh hưởng ngày càng tăng của ASEAN với tư cách là tổ chức khu vực thành công nhất trong khối các nước đang phát triển và sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế của Hàn Quốc cùng tính dễ tổn thương và mục đích chính trị riêng của hai thực thể trước những biến động của tình hình thế giới và khu vực được coi là động cơ thúc đẩy sự thiết lập của mối quan hệ này. Với ảnh hưởng ngày càng rõ nét của ASEAN ở khu vực Đông Á và tầm quan trọng của Hàn Quốc cũng như của bán đảo Triều Tiên trong trật tự quan hệ quốc tế, quan hệ ASEAN – Hàn Quốc đang và sẽ là một yếu tố có tác động không nhỏ đến sự phát triển ổn định và hòa bình khu vực. Đối với bản thân Hàn Quốc, ASEAN hay các nước thành viên ASEAN, mối quan hệ này chắc chắn sẽ là một trong những nhân tố không thể bỏ qua trong quá trình hoạch định chính sách của mỗi bên.

Quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc là mối quan hệ chứa đựng nhiều yếu tố mới trong quan hệ quốc tế. Đây là mối quan hệ của một tổ chức với một quốc gia có quyền lực hạng trung trong khu vực. Vì thế, nghiên cứu mối quan hệ này sẽ có vai trò và ý nghĩa riêng không chỉ trên phương diện thực tiễn mà còn cả đối với lý luận quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ quốc tế châu Á nói riêng.

Giai đoạn ASEAN và Hàn Quốc xây dựng quan hệ đối tác toàn diện (1989 - 2009) cũng là giai đoạn Việt Nam thực hiện những thay đổi về chính sách ngoại giao với chủ trương làm bạn với tất cả các nước và có nhiều bước phát triển vượt bậc trong quan hệ với Hàn Quốc. Với tư cách là một thành viên của ASEAN, cùng với những chuyển động của quan hệ ASEAN - Hàn Quốc, Việt Nam chắc chắn sẽ chịu những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp từ mối quan hệ này.

Với nhận định giai đoạn xây dựng quan hệ đối tác toàn diện có thể coi là giai đoạn đóng vai trò xây dựng nền móng và định hướng phát triển cho quan hệ ASEAN – Hàn

Quốc, việc tìm hiểu và nhìn lại quá trình xây dựng quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc (1989 - 2009) để làm rõ những đặc điểm, thành quả cũng như hạn chế của mối quan hệ này nhằm lý giải cho những động thái cũng như chiều hướng phát triển trong quan hệ ASEAN – Hàn Quốc, cũng như định vị nó trong hiện trạng chung của quan hệ quốc tế khu vực là một yêu cầu có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của của luận án này là để: 1) phân tích sự vận động và những chuyển biến của quan hệ ASEAN – Hàn Quốc từ quan hệ đối tác đối thoại đến quan hệ đối tác toàn diện, 2) làm rõ những đặc trưng cũng như tác động và ảnh hưởng của quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc giai đoạn 1989 – 2009 trong quá trình phát triển chung của quan hệ ASEAN – Hàn Quốc và trong trật tự quan hệ quốc tế khu vực Đông Á.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án là quan hệ đối tác toàn diện giữa ASEAN và Hàn Quốc. Trong đó, đối tượng trọng tâm mà luận án này hướng đến là quan hệ giữa ASEAN được xem xét như một thực thể thống nhất với tư cách là một tổ chức khu vực của các nước Đông Nam Á thành lập năm 1967 và Hàn Quốc với tư cách là quốc gia độc lập được thành lập sau năm 1948.

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án về mặt thời gian là quá trình xây dựng quan hệ ASEAN – Hàn Quốc từ khi bắt đầu thiết lập quan hệ ngoại giao năm 1989 đến năm 2009 là thời điểm kết thúc mối quan hệ đối tác toàn diện để chuyển đổi thành quan hệ đối tác chiến lược vào năm 2010. Về phạm vi nội dung, quan hệ ASEAN - Hàn Quốc được xem xét theo 3 trụ cột dựa trên sự thống nhất trong kế hoạch tổng thể phát triển cộng đồng ASEAN và động hướng triển khai xây dựng quan hệ với ASEAN của Hàn Quốc. Đó là 3 trụ cột: an ninh – chính trị, kinh tế và văn hóa – xã hội..

4. Phương pháp nghiên cứu và nguồn tư liệu

Xuất phát từ nhận định quá trình xây dựng và phát triển quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc là một giai đoạn trong quá trình phát triển quan hệ ASEAN – Hàn Quốc, luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử và các phương pháp khác như: phương pháp phân kỳ, phương pháp phân tích so sánh, phương pháp đồng đại, lịch đại để nhận diện lịch sử. Luận án còn vận dụng các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế như phương pháp phân tích địa chính trị, các lý thuyết về trật tự quan hệ quốc tế, các quan điểm lý thuyết về quan hệ quốc tế ở châu Á, các quan điểm về chủ thể và lợi ích trong quan hệ quốc tế....để làm rõ các vấn đề nghiên cứu.

Nguồn tư liệu cho luận án được thu thập từ ba nguồn chính là nguồn tài liệu lưu trữ, các công trình khoa học - báo chí, các số liệu thống kê của các cơ quan và tổ chức có liên quan.

5. Những đóng góp của luận án

5.1. Về mặt khoa học: - Luận án đã hệ thống hóa quá trình xây dựng quan hệ ASEAN – Hàn Quốc từ khi thiết lập đến hết giai đoạn hiện thực hóa quan hệ đối tác toàn diện. Từ đó, đưa ra một cái nhìn toàn cảnh về sự phát triển của quan hệ ASEAN – Hàn Quốc trên cả hai phương diện: tiến trình lịch sử và phạm vi quan hệ quốc tế.

- Luận án đã chỉ ra những tác động những tác động của tình hình quốc tế và khu vực đối với sự hình thành và phát triển quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc. Qua đó

- Luận án đã chỉ ra những những thành tựu cũng như hạn chế của quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc từ đó xác định vai trò của nó trong quá trình phát triển quan hệ ASEAN – Hàn Quốc, trong quan hệ quốc tế khu vực và trong quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc.

- Về phương pháp luận, luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu khu vực và vận dụng các lý thuyết về quan hệ quốc tế để làm rõ sự biến đổi cũng như vai trò của quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc trong tiến trình quan hệ của nó và trong tình hình chung của quan hệ quốc tế khu vực.

5.2. Về thực tiễn: Thông qua việc phân tích, đánh giá những thành tựu cũng như hạn chế, vai trò của quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc, sự biến chuyển trong nhận thức về đối phương của hai thực thể quan hệ, đặc biệt là nhận thức từ phía Hàn Quốc, luận án sẽ cung cấp các luận cứ khoa học góp phần vào việc nhận định tình hình khu vực, hoạch định chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với ASEAN, Hàn Quốc nói riêng cũng như xây dựng ý tưởng, đề xuất cho việc thúc đẩy quan hệ ASEAN – Hàn Quốc nói chung.

6. Kết cấu của luận án: Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án gồm có 4 chương:

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Chương 2. Cơ sở lý luận và thực tiễn về quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc

Chương 3. Quá trình hình thành và củng cố quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Phải đến cuối những năm 90 của thế kỷ XX và bước sang thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI, những nghiên cứu về quan hệ ASEAN – Hàn Quốc mới bắt đầu xuất hiện. Ở Việt Nam, kể từ sau đầu những năm 1990, khi Đảng và Nhà nước ta bắt đầu chuyển hướng mở rộng quan hệ với tất cả các nước trên thế giới, đặc biệt, khi Việt Nam gia nhập ASEAN năm 1995, các nghiên cứu về ASEAN nói chung và quan hệ của ASEAN với các đối tác nói riêng ngày càng xuất hiện nhiều hơn. Trong phạm vi các nghiên cứu luận án có thể tiếp cận, nhìn chung, có thể tổng hợp các công trình nghiên cứu có giá trị tham khảo cho đề tài theo các nhóm như sau:

1.1. Nghiên cứu quan hệ song phương ASEAN – Hàn Quốc

Trong đó, quan hệ ASEAN – Hàn Quốc được triển khai nghiên cứu theo hai hướng sau: Nghiên cứu quan hệ ASEAN – Hàn Quốc theo từng lĩnh vực cụ thể và nghiên cứu về quan hệ ASEAN – Hàn Quốc dưới dạng tập hợp các vấn đề có liên quan.

Có hai hướng tiếp cận trong hướng nghiên cứu theo lĩnh vực: 1) nghiên cứu quan hệ thương mại ASEAN – Hàn Quốc ở mức độ phác họa những nét cơ bản về khuôn khổ hiệp định thương mại tự do KAFTA nhằm làm rõ những điều kiện tác động đến thương mại Việt Nam từ sau năm 2006; 2) nghiên cứu chính sách quan hệ của Hàn Quốc đối với ASEAN trong đó có chính sách kinh tế như là một trong những nhân tố tác động đến việc xây dựng và phát triển quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc.

Nghiên cứu về quan hệ ASEAN – Hàn Quốc dưới dạng tập hợp các vấn đề có liên quan là những công trình nghiên cứu theo dạng tập hợp các bài viết về các lĩnh vực khác nhau trong quan hệ ASEAN – Hàn Quốc. Phần nhiều những công trình này được thực hiện bởi các viện nghiên cứu hoặc được xuất bản sau các hội thảo khoa học có liên quan. Vì thế, phạm vi đề cập của nó thường rộng và tương đối đa dạng.

1.2. Nghiên cứu quan hệ ASEAN – Hàn Quốc như một bộ phận cấu thành của cơ chế hợp tác đa phương ASEAN + 3 và hợp tác khu vực Đông Á

Đặc điểm của nhóm nghiên cứu theo hướng này là quan hệ ASEAN – Hàn Quốc thường được lồng ghép dưới dạng là một phần nhỏ trong các nghiên cứu về khu vực Đông Á hoặc về ASEAN hay ASEAN + 3. Trong đó, các nghiên cứu thường được triển khai theo hai hướng: 1) xem xét quan hệ ASEAN – Hàn Quốc trong tương quan với các nước Đông Bắc Á khác là Nhật Bản và Trung Quốc như một khía cạnh bổ sung cho bức tranh

hội nhập khu vực Đông Á; 2) coi quan hệ ASEAN – Hàn Quốc như một trục cấu thành của các mối quan hệ đa phương trong tiến trình hội nhập khu vực, trong đó tiêu biểu là tiến trình hội nhập Đông Á và cơ chế hợp tác đa phương ASEAN + 3.

1.3. Nghiên cứu quan hệ giữa các nước thành viên ASEAN và Hàn Quốc trong đó có quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc

Nhóm này gồm các nghiên cứu trọng tâm về tác động của quan hệ ASEAN – Hàn Quốc đối với một quốc gia thành viên cụ thể, các nghiên cứu về quan hệ của các nước thành viên ASEAN và Hàn Quốc trong đó bao gồm cả các nghiên cứu về chính sách của các nước thành viên ASEAN đối với Hàn Quốc và ngược lại. Đối với các nghiên cứu của Việt Nam, phần lớn các nghiên cứu tập trung vào tác động của khu vực mậu dịch tự do giữa ASEAN với một trong các quốc gia Đông Bắc Á và tác động của nó đối với Việt Nam hoặc nghiên cứu về quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc.

Trên cơ sở phân tích các nghiên cứu về quan hệ ASEAN – Hàn Quốc, có thể khái quát về các nghiên cứu đi trước như sau: 1) còn thiếu vắng các công trình nghiên cứu về quá trình phát triển của quan hệ ASEAN – Hàn Quốc, đặc biệt là quan hệ đối tác toàn diện; 2) các nghiên cứu trọng tâm quan hệ ASEAN – Hàn Quốc thường tiến hành theo lĩnh vực cụ thể; 3) phần lớn các nghiên cứu đề cập đến quan hệ của một nước thành viên ASEAN với Hàn Quốc; 4) các nghiên cứu tiếp cận từ phía Hàn Quốc nhiều hơn trong khi các nghiên cứu về quan hệ ASEAN – Hàn Quốc không nhiều; 5) nghiên cứu quan hệ ASEAN – Hàn Quốc thường không được coi là đối tượng nghiên cứu chính.

Tiểu kết

Phân tích các nghiên cứu về quan hệ ASEAN – Hàn Quốc cho thấy sự quan tâm của các nhà nghiên cứu chủ yếu hướng tới mục đích tìm hiểu chính sách của mỗi bên trong quan hệ song phương và vai trò của mỗi quan hệ này trong xu thế hợp tác khu vực. Trong đó, các nghiên cứu nhằm giúp cho việc hoạch định chính sách trong hợp tác kinh tế giữa Hàn Quốc và ASEAN trên các lĩnh vực cũng như trong hợp tác khu vực được các nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm. Trên thực tế, so với các mối quan hệ của Hàn Quốc và ASEAN với các cường quốc khác, quan hệ ASEAN – Hàn Quốc chưa được nghiên cứu sâu như một đối tượng nghiên cứu độc lập. Sự thiếu chú trọng trong các nghiên cứu về quan hệ ASEAN – Hàn Quốc phản ánh sức ảnh hưởng cũng như vai trò của mỗi quan hệ này chưa được khẳng định trong quan hệ quốc tế khu vực và thế giới nhưng nó cũng có thể được coi là tạo khoảng trống cho những nghiên cứu tiếp theo khai thác và phát triển.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

VỀ QUAN HỆ ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN ASEAN – HÀN QUỐC

2.1. Cơ sở lý luận về quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc

2.1.1. Chủ nghĩa khu vực (*Regionalism*) và chủ nghĩa khu vực Đông Á (*East Asia Regionalism*)

2.1.1.1. Các lý thuyết về chủ nghĩa khu vực

Về lịch sử nghiên cứu, chủ nghĩa khu vực được bắt đầu nghiên cứu từ sau Chiến tranh thế giới thứ 2 trước những chuyển động trong tiến trình hội nhập của châu Âu như việc thông qua ý tưởng Cộng đồng than thép châu Âu (ECSC) năm 1952, việc hình thành Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) và Cộng đồng nguyên tử châu Âu (Euratom) năm 1957. Đây được coi là làn sóng nghiên cứu chủ nghĩa khu vực lần thứ nhất. Làn sóng nghiên cứu thứ hai bắt đầu với những thay đổi của tình hình thế giới như những biến đổi trong cơ cấu địa chính trị thế giới, quá trình toàn cầu hóa, sự ra đời của các mô hình chủ nghĩa khu vực khác nhau ở các khu vực khác nhau trên thế giới...sau Chiến tranh Lạnh.

Xét trên khía cạnh nội dung, có 4 nhóm qua điểm về chủ nghĩa khu vực gồm: 1) nhóm quan điểm dựa trên sự thống nhất về ý thức khu vực; 2) nhóm quan điểm nhấn mạnh mức độ hợp tác giữa các chủ thể trong hợp tác khu vực; 3) nhóm quan điểm xem xét chủ nghĩa khu vực theo góc độ kinh tế; 4) nhóm quan điểm có tính tổng hợp với tiêu chí rộng hơn. Tuy nhiên, vẫn có thể rút ra được những nội dung chung mà các quan điểm đều thống nhất về chủ nghĩa khu vực như sau: 1) nhận thức khu vực phản ánh ý thức và nhu cầu gắn bó giữa các thành viên thể hiện qua tình cảm khu vực, ý thức về bản sắc khu vực và nhận thức về lợi ích chung; 2) hợp tác khu vực với sự ưu tiên trong chính sách và nỗ lực thúc đẩy hợp tác trong khu vực trên nhiều phương diện và sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau; 3) khu vực hóa như một quá trình hình thành các điểm chung có tính khu vực được thể hiện qua các lợi ích chung, mục đích chung, sự củng cố bản sắc truyền thống và tạo ra các bản sắc mới, sự phụ thuộc lẫn nhau cũng như sự liên kết trong khu vực...

2.1.1.2. Chủ nghĩa khu vực Đông Á¹

Được thúc đẩy bởi nhu cầu hợp tác phát triển kinh tế thời kỳ Hậu Chiến tranh Lạnh, chủ nghĩa khu vực Đông Á thường được nhắc đến cùng với những chuyển động trong hợp tác kinh tế khu vực. Các lý thuyết về chủ nghĩa khu vực được sử dụng để giải thích cho chủ nghĩa khu vực Đông Á cũng thường lấy kinh tế làm cơ sở. Tuy nhiên, nếu

¹ Khái niệm Đông Á ở đây bao gồm các nước Đông Nam Á và các nền kinh tế châu Á mới (Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan) và Trung Quốc.

định tìm hiểu về chủ nghĩa khu vực Đông Á, không thể bỏ qua những nhân tố có thể xuất hiện sau nhưng cũng tạo ảnh hưởng không nhỏ thúc đẩy sự hình thành của chủ nghĩa Đông Á như sự biến đổi của cán cân lực lượng trong khu vực, sự nổi lên của ASEAN với vai trò trung tâm của tiến trình hội nhập Đông Á, sự cạnh tranh ảnh hưởng của các cường quốc khu vực và thế giới đối với khu vực, sự phục hồi của chủ nghĩa dân tộc tại các quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực...

Đặc điểm của chủ nghĩa khu vực được cho là: 1) thường chỉ được hiện thực hóa giới hạn trong các vấn đề kinh tế, ít có những dự án hiệu quả trên khía cạnh chính trị và an ninh; 2) chủ nghĩa khu vực Đông Á đặc biệt coi trọng chủ quyền quốc gia; 3) chủ nghĩa khu vực Đông Á vẫn có sự không đồng đều trong hội nhập.

2.1.2. Lý luận về quan hệ hệ đối tác toàn diện

Chưa có được một khái niệm độc lập về quan hệ đối tác toàn diện. Khái niệm quan hệ đối tác toàn diện thường được đưa ra dưới dạng so sánh với quan hệ đối tác toàn diện. Trong đó, hai môi quan hệ này đều là những môi quan hệ được thiết lập nhằm tạo nền tảng cho việc hình thành các cơ chế song phương và là kênh hiệu quả để chia sẻ thông tin, khuyến khích sự tin tưởng lẫn nhau và giảm thiểu bất đồng của hai chủ thể. So với đối tác chiến lược, đối tác toàn diện có mức độ thấp hơn ở mức độ cam kết, lòng tin và lợi ích của các chủ thể, chủ yếu nhấn mạnh vào sự hợp tác rộng rãi để củng cố niềm tin hướng tới tương lai.

2.1.3. Lý thuyết về cường quốc hạng trung (middle power)

2.1.3.1. Lịch sử khái niệm cường quốc hạng trung

Khái niệm quốc gia hạng trung được đề cập đến từ khá sớm trong các nghiên cứu chính trị châu Âu từ thế kỷ XIV. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, khái niệm quốc gia hạng trung được Canada sử dụng khi khẳng định chính sách ngoại giao tích cực trong quan hệ quốc tế. Thập niên 1980 – 1990, khái niệm này được Australia đưa ra một lần nữa để minh họa cho chính sách ngoại giao của mình. Sau năm 1997, Hàn Quốc, Indonesia, Thổ Nhĩ Kỳ, Nam Phi được coi là các quốc gia hạng trung có sự phục hồi mạnh mẽ.

2.1.3.2. Các phương pháp tiếp cận khái niệm cường quốc hạng trung

Có nhiều cách tiếp cận để xác định khái niệm quốc gia hạng trung nhưng nhìn chung có thể chia thành hai tiêu chí cơ bản: 1) dựa trên thước đo về năng lực, sức mạnh quốc gia như thông số về tổng sản phẩm quốc nội, sức mạnh quân sự, quy mô lãnh thổ, dân số... 2) dựa vào kiểu hành vi hay chính sách đối ngoại của chủ thể sử dụng chính sách ngoại giao đa phương thể hiện qua số lượng các tổ chức, cơ chế hợp tác mà nước đó

tham gia, vai trò hòa giải... Các đặc thù của quốc gia hạng trung trong môi trường quốc tế đa cực được chỉ ra gồm: 1) đề cao định hướng đa dạng hóa, đa phương hóa trong chính sách đối ngoại; 2) nỗ lực giữ vai trò lãnh đạo ở khu vực/ tiểu khu vực hoặc trong một số vấn đề cụ thể có lợi ích hoặc lợi thế; 3) đóng vai trò duy trì sự cân bằng quyền lực giữa các nước lớn; 4) đóng vai trò trung gian hòa giải trong các tranh chấp; 5) thúc đẩy và mở rộng các khái niệm mới về an ninh, phát triển các nguyên tắc, sáng kiến an ninh đa phương; 6) tham gia tích cực vào các hoạt động ngoại giao đa phương... [Vũ Lê Thái Hoàng, Lê Linh Lan, 2014].

2.1.3.3. Hàn Quốc tư cách là cường quốc hạng trung

Xét trên nhiều khía cạnh với nhiều cách tiếp cận, Hàn Quốc có thể được coi là một cường quốc hạng trung từ những năm 90 của thế kỷ XX. Trên phương diện phương vị, trong khu vực Đông Bắc Á, Hàn Quốc được coi là quốc gia nằm giữa Trung Quốc đang trên đường trở thành cường quốc thế giới và Nhật Bản – nền kinh tế thứ hai thế giới. Tiếp cận theo phương thức quy phạm đánh giá về ảnh hưởng ngoại giao hơn là vũ lực, Hàn Quốc cũng là một trong những quốc gia có những thành công trong việc tạo dựng ấn tượng và niềm tin quốc tế sau những thành công trong việc tổ chức các sự kiện quốc tế như Olympic Seoul (1988), World Cup (2000, đồng tổ chức với Nhật Bản)... Tuy nhiên, xét trên khía cạnh hành vi thông qua chính sách ngoại giao mới của cường quốc hạng trung, phải đến chính quyền của tổng thống Roh Mu Hyun (2003 - 2008), vai trò cường quốc hạng trung của Hàn Quốc với định hướng ngoại giao trung gian là cầu nối và là quốc gia trung tâm của khu vực mới được khẳng định.

2.2. Cơ sở thực tiễn của quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc

2.2.1. Các nhân tố tác động gián tiếp

2.2.1.1. Xu hướng hòa bình và nhu cầu duy trì hợp tác trên toàn thế giới

Xu hướng hòa bình, hòa dịu trong quan hệ quốc tế được thể hiện rõ khi các nước lựa chọn hợp tác thay cho đối đầu. Thế giới không còn tình trạng chạy đua vũ trang, quy mô can thiệp của Mỹ và Liên Xô thu hẹp. Các quốc gia, tổ chức quốc tế và khu vực có cơ hội củng cố, mở rộng quan hệ để phát triển. Điều này giúp tạo điều kiện cho sự hình thành nhiều tổ chức khu vực và liên khu vực mới cũng như tạo cơ sở thúc đẩy quan hệ hợp tác bình đẳng hai bên cùng có lợi. Mặc dù vậy, ở nhiều khu vực, hòa bình vẫn bị đe dọa do mâu thuẫn về ý thức hệ và lợi ích quốc gia, thế giới lại phải đối mặt với những mâu thuẫn về sắc tộc, tôn giáo và tranh chấp lãnh thổ... Những mâu thuẫn này khó có thể phát triển thành một cuộc chiến tranh mang tầm thế giới nhưng đồng thời cũng khó có thể giải quyết một cách triệt để và nhanh chóng do hầu hết các mâu thuẫn này đều có căn nguyên lịch sử.

2.2.1.2. Sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn

Sau khi trật tự hai cực sụp đổ, Nga trở thành quốc gia khu vực với sự thu hẹp rất nhiều về diện tích, sức mạnh và tầm ảnh hưởng đã điều chỉnh chính sách theo hướng hòa dịu, hợp tác nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của Mỹ và phương Tây để phục hồi, phát triển kinh tế và cải thiện đời sống nhân dân. Trong khi đó, Mỹ cũng đã rất tích cực củng cố vị trí siêu cường cũng như vị trí lãnh đạo thế giới của mình trên cơ sở những ưu thế vượt trội về kinh tế, quân sự, khoa học và công nghệ.... Sự ra đời của EU đã nâng cao vai trò và vị thế của Tây Âu trong nền chính trị và kinh tế quốc tế, tạo cơ hội cho Tây Âu chia sẻ quyền lãnh đạo thế giới với Mỹ. Trung Quốc bắt đầu chuyển từ vai trò thụ động sang vai trò chủ động hơn trong các vấn đề quốc tế và khu vực, tích cực tham gia các hiệp định thương mại và an ninh khác nhau đồng thời xác lập các bộ khung cơ bản trong quan hệ hợp tác chiến lược hướng tới thế kỷ XXI với các nước lớn khác như Mỹ, Nhật Bản, Nga, Pháp... Trong khu vực, Nhật Bản theo đuổi chính sách Đông Nam Á mới với mục đích duy trì và gia tăng lợi ích kinh tế đồng thời sử dụng Đông Nam Á làm nơi thử nghiệm vai trò chính trị của Nhật Bản.

2.2.1.3. Nền kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng theo xu thế toàn cầu hóa

Sau Chiến tranh Lạnh, xu thế phát triển kinh tế với phương thức lấy hợp tác và cạnh tranh về kinh tế - chính trị được coi là xu thế chủ đạo. Trong đó, hợp tác kinh tế được đặt lên hàng đầu trong các mối quan hệ quốc tế khi các nước chuyển nhanh sang hướng tập trung phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân. Với những thành tựu về khoa học công nghệ lần thứ ba, khoa học với thông tin trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp trong phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho toàn cầu hóa. Với quá trình toàn cầu hóa, sự chuyển giao công nghệ cũng như sự chuyển dịch tự do của các luồng vốn đầu tư quốc tế trở nên năng động hơn, có quy mô lớn hơn và vươn tới những phạm vi xa hơn. Cùng với nó, sự hình thành các khối liên kết, các cộng đồng cũng như sự mở rộng và phát triển của các tổ chức quốc tế cũng gia tăng.

2.2.2. Các nhân tố tác động trực tiếp

2.2.2.1. Các tiền đề về lịch sử - văn hóa – địa lý

ASEAN và Hàn Quốc có nhiều thuận lợi để thiết lập và phát triển quan hệ xét trên phương diện văn hóa và lịch sử. Tuy xét về mặt phương vị và vị trí lãnh thổ không phải là một điều kiện lý tưởng cho một mối quan hệ hợp tác nhưng việc hầu như không có những mâu thuẫn lớn dẫn đến sự ác cảm dân tộc, tâm lý nghi kỵ, tranh chấp lãnh thổ hay tạo nên những vướng mắc lịch sử gây cản trở đến việc thúc đẩy quan hệ hợp tác là những điều kiện tốt cho việc tạo lòng tin giữa hai bên. Ở khía cạnh an ninh – chính trị, Chiến tranh

Lạnh kết thúc năm 1991 là dấu chấm hết cho trật tự thế giới hai cực với sự đối đầu giữa hai siêu cường Liên Xô và Mỹ đã tạo ra nhiều thách thức nhưng đồng thời cũng tạo ra nhiều cơ hội cho các lực lượng chính trị vừa và nhỏ như ASEAN và Hàn Quốc. Nhu cầu bảo đảm lợi ích chính trị – an ninh quốc gia, tạo môi trường ổn định, hợp tác phát triển kinh tế đòi hỏi ASEAN và Hàn Quốc phải thúc đẩy quan hệ hợp tác.

2.2.2.2. *Chủ nghĩa khu vực Đông Á với vai trò trung tâm của ASEAN*

Chủ nghĩa Đông Á bắt đầu hình thành từ sự hình thành của chủ nghĩa khu vực ASEAN. Tháng 1. 1992, các lãnh đạo ASEAN đã ra Tuyên bố chung trong đó thống nhất “thúc đẩy quan hệ chặt chẽ dựa trên tình hữu nghị và sự hợp tác với các nước Đông Dương” và “ASEAN sẽ đóng một phần tích cực trong các chương trình quốc tế để tái thiết Việt Nam, Lào và Campuchia” [Singapore Declaration, 1992]. Bên cạnh việc ký kết “Hiệp định Khung về tăng cường hợp tác kinh tế ASEAN” năm 1992, ASEAN đã nỗ lực trở thành lực lượng đóng vai trò trung tâm trong các diễn đàn hợp tác đa phương cả khu vực. Năm 1993, ASEAN quyết định thành lập Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) gồm 18 nước trong và ngoài Hiệp hội để trao đổi về các vấn đề an ninh – chính trị khu vực châu Á – Thái Bình Dương và đóng vai trò trung tâm trong Diễn đàn hợp tác kinh tế Á - Âu (1994). Cũng trong thời kỳ này, sự hình thành và phát triển của Tiến trình ASEAN + 3 (1997) và Hội nghị Đông Á (EAS - East Asia Summit, 2004) trong đó ASEAN đóng vai trò là lực lượng chèo lái đã cho thấy chủ nghĩa Đông Á đã trở thành hiện thực.

2.2.2.3. *Nhu cầu hợp tác của ASEAN và Hàn Quốc*

Xuất phát từ nhu cầu bảo đảm lợi ích chính trị – an ninh quốc gia, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển và tìm kiếm đồng minh trước những bất ổn của tình hình khu vực, ASEAN và Hàn Quốc phải thúc đẩy quan hệ hợp tác. Nhu cầu hợp tác kinh tế do tác động từ nền kinh tế quốc tế và tác động xuất phát từ nền kinh tế trong nước. Xét trên khía cạnh kinh tế quốc tế, sự sụp đổ của trật tự hai cực làm hình thành một xu hướng chung là các nước chuyển hướng sang phát triển kinh tế và nâng cao mức sống của người dân. Chính vì thế, quan hệ quốc tế có sự thay đổi cơ bản về nội dung và tính chất với kinh tế được đặt lên vị trí ưu tiên hàng đầu. Bên cạnh đó, những bất ổn tiềm tàng và khó giải quyết giữa các quốc gia trong khu vực như xung đột sắc tộc, tôn giáo, tình trạng ly khai, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ ngày càng lộ rõ trong khu vực cũng là nhân tố đòi hỏi sự hợp tác của các quốc gia trong khu vực trong đó có ASEAN và Hàn Quốc.

2.2.3.4. *Sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự can dự của các nước lớn vào tình hình khu vực*

Thời điểm Chiến tranh Lạnh kết thúc, Trung Quốc đang bước vào thực hiện bước hai trong lộ trình phát triển nhằm biến Trung Quốc thành một trong những cường quốc hàng đầu thế giới vào giữa thế kỷ XX do Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra. Trên phương diện kinh tế, dù có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng trong nhiều năm nhưng phải đến những năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc mới thực sự bước vào thời kỳ trỗi dậy. Song song với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, thái độ ngày càng cứng rắn của Trung Quốc trong các vấn đề quốc tế và khu vực không thể phủ nhận rằng Trung Quốc đang trở thành mối lo ngại của của nhiều nước.

Đông Á trở thành nơi có “khoảng trống quyền lực lớn” do sự tan rã của Liên Xô và sự giảm dần cam kết của Mỹ ở Đông Nam Á đẩy khu vực rơi vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan về an ninh và dễ bị tổn thương bởi những “bất ổn từ bên ngoài” sau một thời gian dài không quan tâm phát triển sức mạnh quân sự. Cuộc cạnh tranh quyền lực giữa hai cường quốc có tham vọng trở thành lãnh đạo khu vực là Nhật Bản và Trung Quốc với hy vọng lấp được “khoảng trống quyền lực” do Mỹ và Nga cũng là một trong những nhân tố bất ổn trong khu vực.

2.2.3.5. Hợp tác ASEAN – Hàn Quốc trước khi thiết lập quan hệ ngoại giao

Quan hệ ASEAN – Hàn Quốc xuất phát điểm từ nhu cầu tìm kiếm đồng minh trong khu vực trong bối cảnh chiến tranh và sự phân biệt về hệ tư tưởng. Sang những năm 70, nhu cầu hợp tác phát triển kinh tế xuất hiện khi Hàn Quốc bước vào thời kỳ phát triển kinh tế. Thập kỷ 80, quan hệ ASEAN – Hàn Quốc phát triển trên cơ sở kinh tế nhiều hơn trên phương diện chính trị - an ninh, chủ yếu giữa các thành viên ASEAN với Hàn Quốc hơn là với tư cách một tổ chức.

Tiểu kết

Cơ sở hình thành quan hệ ASEAN – Hàn Quốc được xem xét theo ba phương diện: bối cảnh quốc tế, tình hình khu vực và nhu cầu hợp tác trong quá trình phát triển của bản thân ASEAN và Hàn Quốc. Trong đó, có những nhân tố tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển, nâng cao vị thế của ASEAN và Hàn Quốc, cũng có nhân tố các thách thức, đòi hỏi ASEAN và Hàn Quốc phải có những đối sách linh hoạt và phù hợp. Có thể thấy yếu tố mạnh nhất tác động đến sự hình thành quan hệ ASEAN – Hàn Quốc chính là sự tương đồng về tình cảnh và tính dễ tổn thương trước những biến động bên ngoài. Bên cạnh đó, sự tương đồng về lợi ích cũng như những yêu cầu trong quá trình phát triển của mỗi bên cũng là những nhân tố quan trọng và trực tiếp nhất cho sự hình thành mối quan hệ này.

CHƯƠNG 3

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ Củng CỐ QUAN HỆ ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN ASEAN – HÀN QUỐC

3.1. Xây dựng và thiết lập quan hệ đối tác toàn diện ASEAN - Hàn Quốc (1989 – 2004)

3.1.1. Xây dựng quan hệ trong các thể chế hợp tác đa dạng

ASEAN và Hàn Quốc xây dựng quan hệ đối tác toàn diện trong bối cảnh khu vực Đông Á bị chi phối bởi các mối quan hệ và các thể chế chồng chéo. Xét ở phạm vi khu vực, quan hệ ASEAN – Hàn Quốc không chỉ phản ánh bản thân quan hệ của hai chủ thể mà còn bị chi phối bởi nhiều cơ chế hợp tác và diễn đàn khu vực khác. Để xây dựng quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc, hai bên đã tập trung xây dựng và tham gia tích cực vào các thể chế hợp tác đa dạng trong khu vực như ASEAN + 3, ARF, EAS... như là các cơ chế khung để triển khai các hoạt động hợp tác cụ thể. Trong đó, các hợp tác trên phương diện kinh tế là phát triển nhất. Ngoài ra các hợp tác triển phương diện chính trị - an ninh, hợp tác phát triển cũng có nhiều thành tựu. Trong giai đoạn này, sự đóng góp của Hàn Quốc trong cơ chế đa phương ASEAN + 3 được đánh giá cao.

3.1.2. Các hoạt động hợp tác cụ thể

Trên lĩnh vực tài chính – tiền tệ, lĩnh vực hợp tác đầu tiên của ASEAN + 3, các hoạt động hợp tác được thực hiện chủ yếu thông qua các hội nghị Bộ trưởng tài chính hàng năm trên cơ sở mở rộng các hình thức hợp tác tài chính sẵn có ở khu vực. Trong đó nổi bật nhất là Sáng kiến Chiang Mai được đưa ra tại Hội nghị Bộ trưởng tài chính ASEAN + 3 tháng 11. 2000 với nội dung thành lập một mạng lưới hỗ trợ tài chính giữa các nước ASEAN và xây dựng hệ thống giúp đỡ lẫn nhau mang tính song phương

Trên lĩnh vực kinh tế, các hoạt động giao dịch thương mại và đầu tư được thúc đẩy tạo được những kết quả đáng khích lệ. Bên cạnh việc tăng cường giao dịch thương mại và đầu tư, Hàn Quốc cũng mở rộng hỗ trợ ODA cho các quốc gia ASEAN. Mặc dù hoạt động cung cấp ODA cho các nước đang phát triển mới được Hàn Quốc thực hiện từ cuối những năm 1980 nhưng ngay lập tức Hàn Quốc đã thiết lập được một hệ thống trợ giúp có hiệu quả nguồn ODA thông qua việc thành lập các tổ chức chuyên trách

3.2. Củng cố và phát triển quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc (2004 - 2009)

3.2.1. Xây dựng và hoàn thiện các thể chế hợp tác

3.2.1.1. Tuyên bố chung về quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc (2004)

Tháng 10. 2004, tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN – Hàn Quốc lần thứ 8 tổ chức tại Viêng Chăn, Hàn Quốc và ASEAN đã ký “Tuyên bố chung về quan hệ đối tác hợp tác toàn diện”, tạo ra bước phát triển mới trong lịch sử phát triển quan hệ hai bên. Việc ký kết hiệp định này có ý nghĩa rất lớn trong lịch sử phát triển quan hệ ASEAN - Hàn Quốc. Tuyên bố chung này là cơ sở pháp lý cho sự phát triển quan hệ ASEAN – Hàn Quốc trong thời gian tới đồng thời đưa ra một chương trình nghị sự làm cơ sở cho các hoạt động hợp tác của Hàn Quốc và ASEAN trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là cho thỏa thuận xây dựng khu mậu dịch tự do ASEAN – Hàn Quốc [Nguyễn Thu Mỹ, 2008, tr. 64 – 65].

3.2.1.2. Kế hoạch hành động thực hiện Tuyên bố chung về quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc (2005)

Trên cơ sở Tuyên bố chung này được ký kết năm 2004, năm 2005, ASEAN và Hàn Quốc đã ký bản Kế hoạch hành động nhằm cụ thể hóa các mục tiêu đặt ra trong Tuyên bố chung. Trên cơ sở văn bản này, Hàn Quốc và ASEAN đã tiến hành một loạt các hoạt động hợp tác song phương trên các lĩnh vực an ninh, chính trị, kinh tế và văn hóa – xã hội.

3.2.1.3. Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc

Sau khi ASEAN và Hàn Quốc ký Tuyên bố chung và Kế hoạch hành động về quan hệ đối tác hợp tác toàn diện, những cuộc đàm phán về Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc đã được tiến hành. Đây là cơ sở cho sự phát triển vượt bậc của quan hệ giao thương cũng như hoạt động đầu tư giữa hai bên. Hiệp định này chính thức có hiệu lực bắt đầu từ ngày 1.6.2007. Trên cơ sở Hiệp định khung, ngày 26.8.2006, Hàn Quốc và các nước ASEAN đã ký Hiệp định thương mại hàng hóa; ngày 20.11.2007, hai bên ký Hiệp định tự do thương mại dịch vụ và ngày 1.6.2009, hai bên đã ký Hiệp định đầu tư trong khuôn khổ Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN - Hàn Quốc. Ngoài FTA ký với ASEAN, Hàn Quốc còn tiến hành đàm phán chính thức với Singapore và hai nước đạt được thỏa thuận FTA toàn diện vào tháng 11. 2004.

3.2.2. Những hoạt động hợp tác cụ thể

3.2.1. Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực chính trị - an ninh

Các hội nghị thượng đỉnh ASEAN – Hàn Quốc được tổ chức thường xuyên song song với các cuộc họp thường niên trong khuôn khổ ASEAN + 3 như Hội nghị cấp cao ASEAN - Hàn Quốc, Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN - Hàn Quốc (PMC), Đối thoại ASEAN - Hàn Quốc giữa các quan chức cao cấp (SOM)... Ngoài ra, hai bên vẫn tiếp tục tăng cường quan hệ thông qua các cơ chế ASEAN+3, Hội nghị cấp cao Đông Á (EAS) và Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), và Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN mở rộng

(ADMM+)... Hàn Quốc đã tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác tại Đông Nam Á (TAC) năm 2004; ủng hộ nỗ lực của ASEAN trong việc thành lập Khu vực hoà bình, tự do, trung lập (ZOPFAN) và một không có vũ khí hạt nhân tại Đông Nam Á. Hàn Quốc tiếp tục hợp tác với ASEAN về tội phạm xuyên quốc gia trên nhiều khía cạnh từ an toàn giao thông đến trao đổi thông tin và giải quyết các hậu quả do khủng bố... thông qua các hội nghị cấp bộ ASEAN + 3 cũng như trong khuôn khổ ARF. Tháng 7. 2005, tại Viên Chăn, ASEAN và Hàn Quốc đã ký Tuyên bố chung về Hợp tác chống khủng bố quốc tế tại Hội nghị Bộ trưởng ASEAN - Hàn Quốc (PMC).

3.2.3. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế trên cơ sở Hiệp định mậu dịch tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)

Trên lĩnh vực kinh tế, các hiệp định thương mại được ký kết trong giai đoạn này đã thúc đẩy quan hệ kinh tế ASEAN – Hàn Quốc trên nhiều mặt. Về hoạt động thương mại, tổng kết các số liệu thống kê của Hiệp hội thương mại Hàn Quốc cho thấy, tổng kim ngạch thương mại giữa ASEAN và Hàn Quốc đã tăng gấp đôi trong năm năm, từ 46,4 tỷ USD năm 2004 lên 90,2 tỷ USD năm 2008. Năm 2008, ASEAN là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Hàn Quốc và ngược lại Hàn Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 5 của ASEAN. Song song với sự tăng trưởng về cán cân thương mại, đầu tư trực tiếp của Hàn Quốc đối với ASEAN cũng tăng rõ rệt. Xét về cơ cấu đầu tư, theo số liệu thống kê của Ban thư ký ASEAN, đầu tư vào ngành chế tạo của Hàn Quốc chiếm tỷ lệ lớn nhất, đạt 30% tổng số vốn đầu tư. Không chỉ tăng về tổng vốn đầu tư, số sự án và số vốn đầu tư cho từng dự án cũng có xu hướng tăng. Điều này phản ánh sự chuyển biến về quy mô đầu tư của Hàn Quốc cho thị trường này.

3.2.4. Phát triển kinh tế - xã hội và hợp tác giao lưu văn hóa

Trong lĩnh vực văn hóa – xã hội, đây là giai đoạn Hàn Quốc đã tài trợ cho các chương trình trao đổi chuyên gia về văn hóa, quan chức chính phủ, y tế, thanh niên... Số vốn vay ODA của Hàn Quốc dành cho ASEAN giai đoạn này chiếm khoảng 54% số vốn ODA của Hàn Quốc. Đặc biệt chiến lược quảng bá văn hoá của Hàn Quốc nhằm khuyếch trương hình ảnh Hàn Quốc tại các nước đang phát triển mạnh như Trung Quốc, Đài Loan, Mông Cổ, Việt Nam, Philippines và một số các quốc gia khác trong khối ASEAN, những quốc gia có nhiều nét tương đồng về lịch sử, văn hoá với Hàn Quốc đã đạt được nhiều kết quả tốt. Làn sóng Hàn Quốc (Hanllyu, Korean Wave) đã giúp Hàn Quốc tạo được hình ảnh trong khu vực Đông Nam Á đồng thời là lực đẩy giúp hàng hóa Hàn Quốc xâm nhập sâu hơn vào thị trường này.

Tiểu kết

Trong quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc giai đoạn này, bước phát triển tiêu biểu nhất là những nỗ lực hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Hàn Quốc. Việc thiết lập các hiệp định thương mại tự do đã khiến cho quan hệ ASEAN – Hàn Quốc có nhiều khởi sắc. Việc xem xét quá trình hình thành và những thành tựu phát triển của quan hệ ASEAN – Hàn Quốc giai đoạn này là bước đi cần thiết để có cái nhìn toàn diện hơn về mối quan hệ này nói chung.

CHƯƠNG 4

TÁC ĐỘNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

TỪ QUAN HỆ ĐỐI TÁC TOÀN DIỆN ASEAN – HÀN QUỐC

4.1. Một vài đánh giá về quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc

4.1.1. Là giai đoạn bản lề cho sự phát triển quan hệ ASEAN – Hàn Quốc

Xem xét quá trình xây dựng và phát triển quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc trong hai mươi năm (1989 - 2009) cho đến thời điểm hiện tại của mối quan hệ này, có thể khẳng định đây là khoảng thời gian khá dài trong tiến trình phát triển quan hệ ASEAN – Hàn Quốc. Đây có thể coi là giai đoạn thử nghiệm, điều chỉnh và đặt nền móng cho các bước phát triển tiếp theo của mối quan hệ này. Với những điều chỉnh trong chính sách quan hệ đối ngoại của ASEAN và Hàn Quốc, giai đoạn xây dựng và phát triển quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc dù chưa có những thành tựu lớn so với tiềm năng của hai bên nhưng giai đoạn này đã tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của mối quan hệ này ở giai đoạn sau. Đặc biệt, đây là giai đoạn cả ASEAN và Hàn Quốc phải trải qua những thách thức nhất định để thích ứng với những chuyển biến của bối cảnh quốc tế và khu vực. Từ đó, giúp ASEAN và Hàn Quốc xác định lại được vị trí, tiềm năng của mỗi bên cũng như định hướng hợp tác và phát triển của mình trong giai đoạn tới.

4.1.2. Xuất phát từ nhu cầu an ninh, hiệu quả thực tế trên phương diện kinh tế

Xem xét lại quá trình xây dựng quan hệ đối tác toàn diện, sự phát triển và hình thành khung hợp tác cho quan hệ kinh tế luôn đi trước và những thành tựu trong hợp tác kinh tế giữa hai bên cũng là nổi bật nhất. Nếu nói rằng quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc là sự chuẩn bị cho sự phát triển của mối quan hệ này ở giai đoạn sau bắt đầu từ cơ sở kinh tế cũng không phải là không có cơ sở. Tuy nhiên, so với các quốc gia khác trong khu vực, quan hệ kinh tế ASEAN – Hàn Quốc vẫn có nhiều bất cập khi hợp tác kinh tế mặc dù có tăng trưởng nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với các nước khác trong khu vực như Trung Quốc và Nhật Bản.

4.1.3. Hai bên chưa phát huy được vai trò của ngoại giao trung gian cho lợi ích song phương

Sự gặp gỡ trong nhu cầu hợp tác giữa ASEAN và Hàn Quốc được xuất phát từ sự tương đồng về vị thế và lợi ích. Trên thực tế, mặc dù có cùng vị thế là cường quốc hạng trung trong trật tự quốc tế nhưng vai trò và lợi ích của ASEAN và Hàn Quốc trong khu vực không giống nhau nên mối quan hệ này vẫn chưa phát huy được ảnh hưởng của nó. Đối với ASEAN, ở mức độ nào đó, ASEAN đã có được những ảnh hưởng trong khu vực với tư cách là lực lượng trung tâm khi thực hiện vai trò điều phối hoạt động của các cơ chế đa phương trong khu vực. Nhưng Hàn Quốc vẫn chưa thực hiện được mục tiêu là trở thành trung tâm kinh tế Đông Bắc Á hướng tới kỷ nguyên Đông Bắc Á hòa bình và thịnh vượng. Vai trò cầu nối của ASEAN trong các vấn đề khu vực và bán đảo Triều Tiên vẫn không được tận dụng triệt để.

4.2. Tác động của quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc

4.2.1. Đối với quá trình phát triển quan hệ ASEAN – Hàn Quốc

Giai đoạn xây dựng quan hệ đối tác toàn diện là khoảng thời gian khá dài trong tiến trình phát triển quan hệ ASEAN – Hàn Quốc. Đối với quan hệ ASEAN – Hàn Quốc, đây có thể coi là giai đoạn thử nghiệm, điều chỉnh và đặt nền móng cho các bước phát triển tiếp theo của mối quan hệ này. Hoạt động hợp tác chủ yếu là trên lĩnh vực kinh tế với sự đầu tư từ phía Hàn Quốc. Giai đoạn từ năm 1997 – 2004 là giai đoạn quan hệ ASEAN – Hàn Quốc được tiến hành như một trục trong quan hệ đa phương ASEAN + 3. Giai đoạn sau năm 2004 là giai đoạn củng cố quan hệ đối tác toàn diện với việc ký kết Tuyên bố chung về quan hệ đối tác toàn diện và hình thành nên khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Hàn Quốc (2006). Dù chưa có những thành tựu lớn so với tiềm năng của hai bên nhưng giai đoạn này đã tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của mối quan hệ này ở giai đoạn sau. Đặc biệt, đây là giai đoạn cả ASEAN và Hàn Quốc phải trải qua những thách thức nhất định để thích ứng với những chuyển biến của bối cảnh quốc tế và khu vực.

4.2.2. Tác động đối với trật tự quan hệ quốc tế khu vực Đông Á

Sự tương đồng về thân phận tạo sự cân bằng lợi ích giữa hai bên trong quan hệ song phương cũng như sự tương đồng về lợi ích trong quan hệ đa phương. Đây là yếu tố giúp cho mối quan hệ này được duy trì lâu dài. Tuy nhiên, đây đồng thời cũng là yếu tố cản trở cho quan hệ ASEAN – Hàn Quốc vì cả hai đều không phải là đối tượng được ưu tiên trong quan hệ quốc tế của mỗi bên. Đối với ASEAN, Hàn Quốc không phải là thị

trường lớn, không phải là nhà đầu tư lớn nhất cũng không phải là quốc gia có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh nhất.

Trong cuộc chạy đua đàm phán thành lập khu vực thương mại tự do FTA với ASEAN, Nhật Bản (năm 2001, với các nước thành viên ASEAN) và Trung Quốc (năm 2002) cũng đi trước so với Hàn Quốc (năm 2005). Xét trên khía cạnh cơ chế hợp tác và quy mô hợp tác thì quan hệ ASEAN – Nhật Bản là mối quan hệ được đánh giá là có nhiều đóng góp cho sự phát triển của ASEAN. Trên lĩnh vực hợp tác kinh tế, lấy chuẩn năm 2008, giao dịch thương mại của Trung Quốc với ASEAN đạt 23 triệu đô la, Nhật Bản đạt hơn 20 triệu đô la, lần lượt gấp 2,6 và 2,3 lần so với giao dịch thương mại của Hàn Quốc với ASEAN [박변순, 2009, tr. 41]. Như vậy, trên khía cạnh tương quan với các quốc gia khác trong quá trình hội nhập Đông Á, so với quan hệ ASEAN - Nhật Bản và ASEAN - Trung Quốc, quan hệ ASEAN - Hàn Quốc có những bước đi chậm hơn. Tuy nhiên, quan hệ ASEAN – Hàn Quốc đã đóng góp cho sự ổn định chung của khu vực.

4.2.3. Tác động đối với quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc

Trên thực tế, quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc là một bộ phận của mối quan hệ hợp tác ASEAN – Hàn Quốc. Vì thế, nếu không có những tính chất đặc thù riêng, rất khó để tách biệt hai mối quan hệ này trong những chủ trương và hoạt động hợp tác chung của ASEAN và Hàn Quốc. Qua phân tích, có thể khẳng định quan hệ ASEAN – Hàn Quốc là sự bổ sung hiệu quả cho quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc. Bên cạnh việc tận dụng được các lợi thế từ mối quan hệ song phương, Việt Nam với tư cách là một thành viên của ASEAN đã có được nhiều xung lực trong việc phát triển quan hệ với Hàn Quốc. Việc Việt Nam trở thành đối tác thương mại lớn thứ tư của Hàn Quốc trong ASEAN, là thị trường đầu tư và là quốc gia viện trợ lớn nhất của Hàn Quốc trong những năm 2004 – 2009 cho thấy quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc đang có những phát triển tích cực song song với sự phát triển của quan hệ ASEAN – Hàn Quốc.

4.3. Bài học kinh nghiệm từ quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc

4.3.1. Xác định ưu thế để phát triển hợp tác

Xác định ưu thế có hai phương diện: ưu thế của bản thân và ưu thế song phương của mối quan hệ đó. Đối với việc xây dựng và phát huy sức mạnh tự thân, Hàn Quốc là quốc gia rất thành công trong khía cạnh này. Việc Hàn Quốc phát huy sức mạnh mềm và định hướng ngoại giao trung gian cho khu vực Đông Á cho thấy Hàn Quốc đã nhận thức được sức mạnh của mình. Trong khi đó, với tư cách là một tổ chức khu vực, trên phương

diện chính trị - ngoại giao, ASEAN đã chứng minh về “sự ngoại lệ Đông Nam Á” khi các quốc gia Đông Nam Á đã rất tự tin khi dựa vào các thể chế đa phương như một công cụ hữu hiệu nhằm duy trì an ninh của họ sau Chiến tranh Lạnh.

Đối với quan hệ song phương ASEAN – Hàn Quốc, ưu thế đầu tiên cần khẳng định là những lợi thế cho hợp tác kinh tế. Vị trí địa lý gần gũi, vị thế tương đồng và sự tương ứng về lợi ích, cơ cấu ngành nghề và sản xuất có tính bổ sung lẫn cho nhau, lợi thế niềm tin và kết quả tích cực của quá trình quảng bá sức mạnh mềm Hàn Quốc đối với các nước trong khu vực..... là những yếu tố để khẳng định hợp tác kinh tế là hướng đi đúng và cần được thúc đẩy. Một lợi thế cạnh tranh nữa của ASEAN và Hàn Quốc được nhiều nhà nghiên cứu đề cập là lợi thế về vị trí địa chính trị. Nhưng trong giai đoạn xây dựng và phát triển quan hệ đối tác toàn diện, Hàn Quốc đã không tận dụng được điều này trong phát triển hợp tác với ASEAN khi quên mất vai trò hỗ trợ với tư cách trung gian của ASEAN kể cả trong vai trò trung gian ở Đông Bắc Á.

4.3.2. Cân bằng lực lượng và khai thác lợi thế của các nhân tố ảnh hưởng

Nói đến các nhân tố ảnh hưởng đến sự ổn định của khu vực Đông Á, nhiều nhà nghiên cứu đã thống nhất ở 3 nhân tố, đó là Mỹ, Trung Quốc và Nhật Bản. Với quan hệ đa phương, khi các cường quốc đều muốn khẳng định vai trò và ảnh hưởng của mình, sẽ giúp cho ASEAN trở thành nhân tố quan trọng cân bằng giữa các nước. Đó cũng chính là lý do mà ASEAN vừa tiếp tục duy trì quan hệ tốt đẹp với Mỹ, Nhật, Trung Quốc, Nga trong khi nỗ lực tạo lập cho mình vị thế điều hành trong các diễn đàn và cơ chế hợp tác đa phương. Hiện nay, ASEAN đang có được vị thế chèo lái được công nhận trong các diễn đàn ARF, cơ chế ASEAN + 3, EAS...ASEAN cần phải tận dụng tối đa vai trò của các bên tham gia, đặc biệt là Mỹ trong khi cần tăng cường tinh thần đoàn kết nội khối, thúc đẩy tính tự quyết.

4.3.3. Phát huy tính linh hoạt để tiếp nhận cơ hội

KẾT LUẬN

1. Quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc (1989 -2009) là mối quan hệ tiêu biểu của một tổ chức khu vực với một cường quốc hạng trung được xây dựng, phát triển dưới tác động của tình hình thế giới và khu vực đang có nhiều thay đổi sau thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Thiết lập quan hệ đối tác đối thoại chức năng năm 1989 và chính thức trở thành đối tác đối thoại của ASEAN năm 1991, Hàn Quốc là quốc gia thứ hai của Đông Bắc Á thiết lập quan hệ đối tác đối thoại với ASEAN, sau Nhật Bản. Sau Chiến tranh Lạnh, với sự sụp đổ của trật tự hai cực, thế giới bước sang giai đoạn hòa bình, hợp tác và phát triển. Điều này tạo ra những thách thức nhưng đồng thời cũng tạo ra nhiều cơ hội cho các quốc

gia mở rộng và thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác cùng phát triển. Xu hướng hình thành các tổ chức khu vực và liên khu vực là yếu tố thuận lợi giúp cho các quốc gia, khu vực có những điểm tương đồng hoặc bổ sung cho nhau cơ hội liên kết để cùng phát triển. Những vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống mới xuất hiện cũng là một trong những động lực thúc đẩy các quốc gia hợp tác với nhau. Cuộc chiến về ý thức hệ kết thúc làm lộ ra những vấn đề mâu thuẫn tiềm ẩn có căn nguyên từ lịch sử. Mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo; tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải; nguy cơ khủng bố; sự phân cách giàu nghèo... trở thành những vấn đề tiềm ẩn nguy cơ xung đột. Những rạn nứt giữa các dân tộc, quốc gia do các nguy cơ này tạo ra cùng với tính chất phức tạp trong việc giải quyết triệt để càng đòi hỏi tính thiết yếu của sự hợp tác, chia sẻ trách nhiệm để cùng phát triển.

Trật tự thế giới mới đòi hỏi các quốc gia cần có những chính sách phù hợp. Hướng tới một môi trường hợp tác ổn định và cùng phát triển, các cường quốc đã tiến hành điều chỉnh chính sách của mình trên cơ sở xác định lại vị thế của mình và một quan niệm về thế giới đa cực. Động thái rõ nhất trong việc điều chỉnh chính sách của các cường quốc gia đoạn này là đối ngoại hòa dịu, cân bằng, mềm dẻo để tranh xung đột nhằm vừa tạo được thế cạnh tranh đồng thời kiềm chế lẫn nhau trong cuộc chạy đua quyền lực. Cùng với xu thế ổn định, nhu cầu tập trung phát triển kinh tế của tất cả các nước, sự phát triển của khoa học kỹ thuật đã tạo điều kiện cho nền kinh tế thế giới chuyển biến mạnh theo hướng toàn cầu hóa, tự do hóa. Xu hướng vận động này tạo điều kiện phát triển cho tất cả các quốc gia tùy theo cách mà quốc gia ấy khai thác đòi hỏi các quốc gia phải có sự điều chỉnh chiến lược phát triển trên cơ sở nhận thức rõ được lợi thế và cơ hội của mình. Toàn cầu hóa và tự do hóa cũng làm cho sự chuyển dịch của các luồng vốn trở nên năng động hơn với quy mô lớn hơn và phạm vi rộng hơn. Điều này đòi hỏi các quốc gia cần có sự liên kết và hợp tác để tạo nên một thị trường thế giới thống nhất và mở rộng, nơi mà các nền kinh tế đều có thể tham gia theo khả năng của mình.

Những biến động của tình hình thế giới đòi hỏi các lực lượng hạng trung như ASEAN và Hàn Quốc phải có những phản ứng linh hoạt theo hướng hội nhập. Trong khi thế giới sau Chiến tranh Lạnh tạo nên một môi trường ổn định cho sự phát triển chung của mọi quốc gia thì ở phạm vi nhỏ hơn là khu vực, những mâu thuẫn tiềm ẩn vẫn tồn tại, thậm chí còn có xu hướng gia tăng. Khoảng trống quyền lực do Mỹ để lại cùng với sự giàu mạnh sau một thời gian dài tập trung phát triển kinh tế của Nhật Bản, sự trỗi dậy của Trung Quốc đã đặt khu vực Đông Á nói riêng và khu vực châu Á – Thái Bình Dương nói chung vào một cuộc cạnh tranh quyền lực mới. Điều này khiến không chỉ ASEAN mà cả Hàn Quốc rơi vào tình trạng dễ tổn thương bởi những bất ổn từ bên ngoài. Bên cạnh đó,

Đông Á cũng là khu vực tập trung nhiều bất ổn tiềm tàng gồm xung đột sắc tộc, tranh chấp lãnh thổ, lãnh hải, các vấn đề an ninh phi truyền thống... Không phải là những điều kiện thuận lợi nhưng những thách thức này cũng có tác động cùng hướng đối với tình hình thế giới đối với ASEAN và Hàn Quốc trong việc thúc đẩy các quốc gia này tăng cường hợp tác đa phương. Ở một phương diện khác, với nhu cầu ổn định để phát triển không có sự can thiệp của các cường quốc, ASEAN cũng cần tạo lập một vị thế độc lập cho mình trong so sánh về lợi thế giữa các bên trong khu vực. Trong khi đó, Hàn Quốc ngoài nhu cầu phát triển kinh tế, mở rộng thị trường cũng đặt ra yêu cầu tìm một sự ủng hộ trung lập cho tiến trình hòa giải và thống nhất dân tộc. Với những nhu cầu tự thân, bối cảnh quốc tế và khu vực cùng với sự bổ sung, tương hỗ trong các điều kiện để hợp tác, quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc đã được hình thành và xây dựng.

2. Quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc được xây dựng và phát triển trên cơ sở có sự thay đổi về nhận thức và điều chỉnh chính sách của mỗi bên trong sự tác động của tình hình khu vực. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, nhu cầu hợp tác giữa ASEAN và Hàn Quốc xuất phát từ nhu cầu an ninh trong việc tìm kiếm đồng minh. Sau đó, với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, Hàn Quốc hướng đến ASEAN như một thị trường khai thác tiềm năng cho sự phát triển kinh tế của mình. Tuy nhiên, với sự thờ ơ của ASEAN do phải tập trung giải quyết những vấn đề nội tại và sự ưu tiên nước lớn trong chính sách của hai bên, quan hệ ASEAN – Hàn Quốc trong thời kỳ này chủ yếu được diễn ra theo hình thức song phương giữa Hàn Quốc với các quốc gia thành viên ASEAN.

Bước sang thập niên 90, với những biến động chung của tình hình thế giới và khu vực, nhu cầu hợp tác của ASEAN và Hàn Quốc cũng có nhiều thay đổi. Nhu cầu xác lập vị trí của mình trong quan hệ quốc tế khu vực đòi hỏi ASEAN cần phải mở rộng hợp tác đa phương. Tuy nhiên, yêu cầu gắn kết nội khối, tạo sức mạnh tự thân vẫn là vấn đề được ưu tiên. Trong khi đó, bước ra khỏi nền chính trị độc tài và tiến hành cải cách dân chủ, Hàn Quốc hướng đến tìm kiếm sự ủng hộ cho việc giải quyết vấn đề bán đảo Triều Tiên. Vấn đề nổi bật trong quan hệ ASEAN – Hàn Quốc thời kỳ này là vị trí của đối phương trong nhận thức của hai thực thể quan hệ đều không được đánh giá cao. Hàn Quốc nhìn thấy tiềm năng kinh tế của ASEAN nhưng không nhận ra vai trò chính trị của Hiệp hội này. Trong khi đó, mặc dù nhận thấy sự cần thiết của việc xác lập vị thế độc lập trong bàn cờ quan hệ quốc tế khu vực, cho đến trước cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á, ASEAN vẫn hy vọng vào sự trợ giúp của Mỹ và phương Tây trong vai trò là động lực phát triển kinh tế và là nhân tố đảm bảo an ninh khu vực. Vì thế, mặc dù có nhiều chuyển

biến tích cực trong quan hệ hai bên nhưng cả hai đều thiếu tính chủ động trong thúc đẩy quan hệ.

Sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ, những điểm yếu của từng nền kinh tế thành viên cũng như tính kém hiệu quả của các cơ chế hợp tác nội khối yêu cầu ASEAN bên cạnh việc tăng cường liên kết kinh tế nội khối cần phải tăng cường liên kết với bên ngoài để củng cố hội nhập và duy trì sức cạnh tranh. Trong khu vực, cạnh tranh quyền lực giữa Nhật Bản và Trung Quốc gia tăng. Vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên có nhiều trở ngại và nhiều lúc rơi vào bế tắc. Những chuyển biến này khiến cho Hàn Quốc và ASEAN chủ động hơn trong việc tăng cường hợp tác và hội nhập khu vực. Biểu hiện rõ rệt nhất cho nỗ lực này là sự hình thành cơ chế hợp tác đa phương ASEAN + 3. Trong giai đoạn này, Hàn Quốc được đánh giá cao với vai trò đề xướng và có đóng góp tích cực cho việc thúc đẩy hợp tác ASEAN + 3 và hoạch định đường lối phát triển cho cơ chế này. Tham gia ASEAN + 3, Hàn Quốc có được vị thế ngang hàng với Trung Quốc và Nhật Bản trong đối thoại chính trị, thúc đẩy được hợp tác kinh tế với cả ASEAN và hai quốc gia Đông Bắc. Đối với ASEAN, cơ chế ASEAN + 3 lần nữa khẳng định vai trò chèo lái cả ASEAN đối với các hợp tác đa phương trong khu vực. Tuy nhiên, khi ASEAN + 3 không thỏa mãn được nguyện vọng giải quyết vấn đề hạt nhân và thúc đẩy CHDCND Triều Tiên tham gia vào những chuyển động chung của khu vực, nhiệt tình của Hàn Quốc giảm. Nguyên nhân chính cho sự thất vọng này là Hàn Quốc mặc dù có nhiều cố gắng trong hội nhập khu vực và nỗ lực khẳng định vai trò trung gian của mình trong quan hệ của nhóm Đông Bắc Á nhưng lại không khai thác được vai trò này của ASEAN. Trong khi vai trò trung gian của Hàn Quốc là rất khó có thể được chấp nhận do những mâu thuẫn tồn đọng từ lịch sử thì vai trò trung gian trung lập của ASEAN vẫn chưa được đánh giá đúng và khai thác.

Giai đoạn 2004 – 2009 là giai đoạn phát triển mạnh mẽ trong quan hệ ASEAN – Hàn Quốc trên nhiều phương diện nhưng chủ yếu là lĩnh vực kinh tế với việc quan hệ đối tác toàn diện được hiện thực hóa. Mặc dù vẫn mang tính thụ động khi Hàn Quốc không muốn bị tụt hậu so với tốc độ hội nhập Đông Á nhanh chóng của Trung Quốc và Nhật Bản, quan hệ ASEAN - Hàn Quốc tiếp tục được thúc đẩy trên nhiều mặt với tốc độ nhanh hơn và quy mô lớn hơn. Những thành tựu đạt được trong giai đoạn này. Cùng với sự hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Hàn Quốc (KAFTA), những thành công trong hợp tác đầu tư và thương mại là những nhân tố chính thúc đẩy ASEAN – Hàn Quốc tiến sang một mối quan hệ mới: quan hệ đối tác chiến lược (2010).

3. Quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc là giai đoạn bản lề cho sự phát triển của mối quan hệ hợp tác ASEAN – Hàn Quốc. Đây cũng là giai đoạn ASEAN và Hàn Quốc củng cố được vị thế của mình trong quan hệ quốc tế khu vực nói chung thông qua những nỗ lực và hợp tác. Đối với sự phát triển quan hệ ASEAN – Hàn Quốc, với những thành công cũng như hạn chế trong quá trình xây dựng và phát triển quan hệ đối tác toàn diện, đây là giai đoạn hình thành cho ASEAN và Hàn Quốc những nhận thức chính xác về đối tác hợp tác. Thông qua các hình thức hợp tác trên nhiều lĩnh vực đa dạng, Hàn Quốc và ASEAN có thể khai thác được nhiều hơn nữa từ mối quan hệ này trên cơ sở biết rõ những ưu thế, điểm tương đồng và bổ sung được cho nhau quá trình hợp tác. Vì thế, mặc dù những thành tựu đạt được chưa xứng với tiềm năng của hai bên nhưng đây chính là cơ sở vững chắc cho quan hệ ASEAN – Hàn Quốc khi hướng tới một mối quan hệ tầm cao hơn.

4. Quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc phản ánh sự hợp tác giữa các cường quốc hạng trung trong trật tự quan hệ quốc tế khu vực. Với vị trí trung tâm, điều hòa và chèo lái quá trình khu vực hóa, ASEAN trở thành đối tác quan trọng của các nước trong khu vực, đặc biệt là với Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc. Hàn Quốc có những ưu thế nhất định trong quan hệ với ASEAN so với Trung Quốc và Nhật Bản khi là nước công nghiệp phát triển nhưng thiếu tham vọng chính trị và không có những khúc mắc mang tính dân tộc. Điều này giúp cho Hàn Quốc có được lòng tin của ASEAN. Bên cạnh đó, sự tương đồng về thân phận giúp Hàn Quốc cân bằng được lợi ích với ASEAN trong những mối quan hệ song phương cũng như đa phương. Ngược lại, sự thiếu vắng tiềm lực an ninh chính trị lại chính là yếu tố làm cho Hàn Quốc trở thành lựa chọn thứ hai trong các mối quan hệ hợp tác. Sự đánh giá không thỏa đáng về vai trò của ASEAN trong việc giải quyết các vấn đề khu vực cũng là nhân tố làm giảm động lực cho quan hệ ASEAN – Hàn Quốc. Cho đến thời điểm hiện nay, Hàn Quốc vẫn chưa đạt được sự cân bằng cần thiết trong quan hệ với ASEAN trong tương quan với Nhật Bản và Trung Quốc trên cả phương diện chính trị an ninh lẫn kinh tế. Ảnh hưởng văn hóa của Hàn Quốc với Hallyu cũng có thể coi là yếu tố giúp Hàn Quốc phát huy sức mạnh mềm trong khu vực. Tuy nhiên, khó có thể xác định sức mạnh cũng như hiệu quả của nó so với ảnh hưởng của Trung Quốc và Nhật Bản trong khu vực trước thực tế sinh hoạt văn hóa của khu vực.

5. Quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc có những tác động hỗ trợ cho sự phát triển của mối quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc. Mặc dù, quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc có quá trình hình thành và phát triển tương đối độc lập so với quan hệ ASEAN – Hàn Quốc nhưng không thể phủ nhận mỗi hai mối quan hệ này đã có những tác động tích cực lẫn nhau. Trong đó, hai sự kiện nổi bật có ảnh hưởng đến quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc là

việc Việt Nam gia nhập ASEAN và sự hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN – Hàn Quốc. Trong quá trình tương tác đó, sự tích cực và chủ động của Việt Nam trong các hoạt động của ASEAN cũng là một nhân tố không thể không kể đến trong việc thúc đẩy quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc nói riêng và các mối quan hệ hợp tác nói riêng.

Thông qua việc phân tích quá trình xây dựng và phát triển quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc (1989 - 2009), những bài học kinh nghiệm được rút ra như sau: 1) xác định ưu thế để phát triển hợp tác; 2) cân bằng lực lượng và khai thác lợi thế của các nhân tố ảnh hưởng; 3) phát huy tính linh hoạt để khai thác cơ hội

CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Thị Thu Giang (2012), “*ASEAN – ROK relations in the formwork of the ASEAN+3 multi-lateral cooperation*”), The 5th Southeast Asia Korean Studies Conference: The Korean Studies of Southeast Asia, August 2012, Hanoi.
(“*Hợp tác ASEAN – Hàn Quốc trong tiến trình hợp tác ASEAN + 3*”, Hội thảo quốc tế Hàn Quốc học khu vực Đông Nam Á lần thứ 5: Hàn Quốc học khu vực Đông Nam Á, T8. 2012, Hà Nội.
2. Lê Thị Thu Giang (2012), “*Các chính sách của chính phủ Hàn Quốc đối với vấn đề thống nhất bán đảo Triều Tiên*”, Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á, số 10 (140), ISSN: 0868 – 3646, tr.15 – 24.
3. Lê Thị Thu Giang (2014), *Quan điểm và chính sách của chính phủ Hàn Quốc đối với vấn đề liên kết Đông Á*, Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á, số 2 (156), ISSN: 0868 – 3646, tr.9 – 20.
4. Lê Thị Thu Giang (2015), “*Hàn Quốc trong quan hệ với ASEAN: từ đối tác đối thoại đến đối tác toàn diện (1991 - 2009)*”, Tạp chí điện tử trung tâm nghiên cứu Hàn Quốc, Viện nghiên cứu Đông Bắc Á, <http://cks.inas.gov.vn/index.php?newsid=515>.
5. Lê Thị Thu Giang (2015), *아세안 – 한국 관계: 대화 파트너에서 전발적 동발자로 (1991 – 2009)*, The 11th Worldwide Consortium of Korean Studies Centers Workshop: Integrating into future – the Spreading of Korean Studies in Developing Regions, Fudan University, Sanghai, pg. 178 – 208. (“*Quan hệ ASEAN – Hàn Quốc: từ đối tác đối thoại đến đối tác toàn diện (1991 - 2009)*”, Hội thảo Hiệp hội các trung tâm nghiên cứu Hàn Quốc học quốc tế lần thứ 11: Hội nhập tương lai – Sự phát triển của nghiên cứu Hàn Quốc học tại các quốc gia đang phát triển, Đại học Phú Đan, Thượng Hải, tr. 178 – 208.
6. Lê Thị Thu Giang (2015), “*Quá trình xây dựng quan hệ đối tác toàn diện ASEAN – Hàn Quốc trong cục diện chính trị Đông Á (1989 - 1991)*”, Phương Đông truyền thống và hiện đại, ISBN: 978-604-77-1830-6, Nxb Thế giới, tr. 171 – 188.